

CHÍNH PHỦ
Số: 114/2006/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 3 tháng 10 năm 2006

NGHỊ ĐỊNH

Quy định xử phạt vi phạm hành chính về dân số và trẻ em

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ngày 15 tháng 06 năm 2004;
Căn cứ Pháp lệnh Dân số ngày 09 tháng 01 năm 2003;
Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 07 năm 2002;
Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Nghị định này quy định các hành vi vi phạm hành chính về dân số và trẻ em; hình thức xử phạt, mức xử phạt, các biện pháp khắc phục hậu quả; thẩm quyền và thủ tục xử phạt.
- Vi phạm hành chính về dân số và trẻ em là những hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về dân số và trẻ em do cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý mà không phải là tội phạm và theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định này phải bị xử phạt vi phạm hành chính.

3. Vi phạm hành chính về dân số và trẻ em quy định trong Nghị định này bao gồm các hành vi:

- a) Tuyên truyền, phổ biến thông tin dân số trái quy định của pháp luật;
- b) Sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu và cung cấp phương tiện tránh thai trái với quy định của pháp luật;
- c) Cản trở, cưỡng bức thực hiện kế hoạch hoá gia đình;
- d) Lựa chọn giới tính thai nhi;
- đ) Vi phạm quyền trẻ em;
- e) Vi phạm quy định trong hoạt động của cơ sở trợ giúp trẻ em.

4. Các hành vi vi phạm hành chính về dân số và trẻ em đã được quy định tại các Nghị định khác của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính thì thực hiện xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại các Nghị định đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với các đối tượng sau đây:

- a) Cá nhân, tổ chức Việt Nam có hành vi vi phạm hành chính về dân số và trẻ em đều bị xử phạt theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan về xử phạt vi phạm hành chính. Người chưa thành niên có hành vi vi phạm hành chính về dân số và trẻ em thì bị xử lý theo quy định tại Điều 7 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.
- b) Cá nhân, tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính về dân số và trẻ em trên lãnh thổ Việt Nam thì bị xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

2. Đảng viên sinh con thứ ba trở lên thì bị xử lý kỷ luật theo quy định của Đảng. Cán bộ, công chức, viên chức nhà nước sinh con thứ ba trở lên thì bị xử lý kỷ luật theo quy định của Chính phủ. Thành viên của các đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội sinh con thứ ba trở lên thì bị xử lý theo quy định của quy chế, quy định của đoàn thể, tổ chức. Người dân sinh con thứ ba trở lên thì bị xử lý theo quy định của hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, xóm, cụm dân cư nơi cư trú.

Điều 3. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính

1. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về dân số và trẻ em được áp dụng theo quy định tại Điều 3 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.
2. Việc xử phạt vi phạm hành chính về dân số và trẻ em do người có thẩm quyền thực hiện phải tuân theo quy định tại các Điều 26, Điều 27 và Điều 28 Nghị định này.
3. Việc xử lý vi phạm đối với người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính về dân số và trẻ em phải tuân theo quy định tại Điều 121 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 4. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ

Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ áp dụng trong xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II Nghị định này được thực hiện theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 6 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 5. Thời hiệu xử phạt

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về dân số và trẻ em là 12 tháng, kể từ ngày hành vi vi phạm hành chính được thực hiện.
2. Cá nhân đã bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm hành chính về dân số và trẻ em thì bị xử phạt vi phạm hành chính; trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, người đã ra quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án phải gửi quyết định và hồ sơ vụ vi phạm cho người có thẩm quyền xử phạt; trong trường hợp này, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 03 tháng, kể từ ngày người có thẩm quyền xử phạt nhận được quyết định đình chỉ và hồ sơ vụ vi phạm.
3. Trong thời hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính mới về dân số và trẻ em hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Trong trường hợp đó, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính kể từ thời

điểm thực hiện hành vi vi phạm hành chính mới hoặc thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

4. Nếu quá các thời hạn nói trên thì không bị xử phạt nhưng vẫn bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

Điều 6. Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính

Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính về dân số và trẻ em nếu quá 12 tháng, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết hiệu lực thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về dân số và trẻ em.

Điều 7. Hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính về dân số và trẻ em còn có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

3. Ngoài các hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung nêu trên, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng, lắp đặt thiết bị trái phép;

b) Buộc thực hiện những biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do vi phạm hành chính gây ra; tiêu huỷ vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, văn hoá phẩm độc hại;

c) Buộc thu hồi số tiền do vi phạm hành chính gây ra; nộp lại số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện vi phạm đã tiêu thụ, tẩu tán trái với quy định của pháp luật;

- d) Buộc thực hiện trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em, thực hiện nghĩa vụ đóng góp nuôi dưỡng trẻ em theo quy định;
- đ) Buộc chịu mọi chi phí để khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em do hành vi vi phạm hành chính gây ra;
- e) Buộc thực hiện các quy định về việc thành lập, hoạt động của cơ sở trợ giúp trẻ em theo quy định tại Điều 45, Điều 46 và Điều 47 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em;
- g) Buộc chịu mọi chi phí để đưa trẻ em trở về gia đình, gia đình thay thế hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT

Điều 8. Hành vi cản trở, cưỡng bức thực hiện kế hoạch hoá gia đình

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Xúc phạm danh dự, nhân phẩm đối với người sử dụng biện pháp tránh thai, người sinh toàn con trai hoặc toàn con gái;
- b) Không cung cấp phương tiện tránh thai cho người có nhu cầu sử dụng, mặc dù người đó có đủ điều kiện được sử dụng;
- c) Ép buộc người khác phải sử dụng biện pháp tránh thai.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Đe dọa dùng vũ lực, uy hiếp tinh thần để ép buộc người sử dụng biện pháp tránh thai phải thôi sử dụng biện pháp tránh thai;
- b) Ép buộc mang thai, sinh sớm, sinh dày, sinh nhiều con, sinh con trai, sinh con gái;
- c) Tự ý đặt dụng cụ tử cung, tiêm thuốc tránh thai mà chưa có sự đồng ý của người sử dụng.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: